TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:103/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương
Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXX-ST ngày 21/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Quang T, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Mỹ, xã T, huyện L, tỉnh B. Hiện đang lao động tại H.

Anh T ủy quyền cho anh Hoàng Văn V, sinh năm 1999; Nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện L, tỉnh B giao nhận tài liệu với Tòa án.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Thiếp Trì, xã T, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Đỗ Quang T (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại H) trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị L được tự do tìm rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh B. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, bảo ban nhau làm ăn. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng nhận thấy có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất, không cùng quan điểm từ cách sống đến sinh hoạt hàng ngày. Hai

bên không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Do đó, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2022. Năm 2023 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh đi lao động tại H. Từ khi đi lao động đến nay vợ chồng rất ít khi liên lạc hỏi thăm nhau, nếu có liên lạc vẫn xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, bất đồng ngày càng lớn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Phạm Thị L.

Về con chung: anh, chị không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: anh, chị không có tài sản chung, nợ chung.

Theo bản tự khai chị Phạm Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng, nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn của vợ chồng anh nhất trí với trình bày của anh T. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: anh, chị không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: anh, chị không có tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, anh T, chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T, chị L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: anh T khởi kiện xin ly hôn chị L. Vì vậy, đây là vụ án "ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh T là nguyên đơn hiện đang lao động tại H. Chị L là bị đơn hiện đang cư trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về hôn nhân: anh Đỗ Quang T và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh B. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật

bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy: anh T, chị L đều xác định vợ chồng được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Nhưng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Anh, chị xác định kể từ đầu năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau. Mặc dù anh, chị đã chủ động nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn và được hai bên gia đình hàn gắn tình cảm nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh T, chị L không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị L là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân.

[6]. Về con chung: Anh T, chị L không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản chung, công nợ chung: Do anh T, chị L không có tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo: Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238,

Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Quang T.

1. Về hôn nhân: Anh Đỗ Quang T được ly hôn chị Phạm Thị L.

2. Về án phí: Anh Đỗ Quang T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00005671 ngày 16/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Đỗ Quang T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Đỗ Quang T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh B;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Thông